

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2022/DS-PT

Ngày 26/7/2022

*V/v “Yêu cầu công nhận biên bản
hợp gia đình thống nhất phân chia
quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ
văn bản di chúc công chứng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm Phán : Ông Nguyễn Quốc Thái

Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 26/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2022/TLPT- DS ngày 06/4/2022 về việc “Yêu cầu công nhận biên bản hợp gia đình thống nhất phân chia quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ văn bản di chúc công chứng”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 19, 20/01/2022 của Tòa án nhân dân quận L, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2021/QĐXXPT-DS ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H , sinh năm 1967; (Có mặt).

Địa chỉ: Số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1964; (Có mặt).

Địa chỉ: Số 6 ngõ 20 đường M, tổ dân phố số 6 P, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

2/ Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20 ngõ 63/180 Lê Đức T , tổ dân phố số 4 P, phường M 2, quận L, Hà Nội.

3/ Ông Nguyễn Thông N , sinh năm 1976; (Có mặt).

Địa chỉ: Số 34 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc A , sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 6 ngõ 43/52 phố C, tổ dân phố D , phường TM, quận L, Thành phố Hà Nội (Có mặt) .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Văn phòng công chứng M

Địa chỉ: Số 63 Lê Đức T , phường M 2, quận L, Hà Nội; Người đại diện: Ông Phạm Minh H – Trưởng Văn phòng (Vắng mặt).

2/ Ông Phạm Minh H – Công chứng viên Văn phòng công chứng M; (Vắng mặt).

3/ Ủy ban nhân dân phường M 2;

Địa chỉ: Đường M, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Đức M – Chủ tịch UBND phường (Vắng mặt);

4/ Bà Lê Thị L , sinh năm 1976 -Vắng mặt

Địa chỉ: Số 34 ngách 63/33 ngõ 26, đường M, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội (Vợ ông Nguyễn Thông N);

5/ Chị Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1993 -Vắng mặt

Địa chỉ: Căn hộ 06 T8 CT1A (V1), khu nhà ở xã hội Phú L , phường Phú L , quận Hà Đ , Hà Nội (Con ông Nguyễn Xuân H)

6/ Chị Nguyễn Kim A , sinh năm 1991 - có mặt;

Địa chỉ: Số 36, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Hà Nội (Con ông Nguyễn Xuân H);

7/ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996 - có mặt;

Địa chỉ: Số 97 ngách 24/2, tổ dân phố số 1 Ngọc T , phường Đại M , quận L, Hà Nội (Con ông Nguyễn Xuân H);

8/ Anh Nguyễn Thành V , sinh ngày 08 tháng 01 năm 2004 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Hà Nội (Con ông Nguyễn Xuân H);

9/ Ông Phạm Văn T , sinh năm 1941(Vắng mặt);

10/ Bà Lê Thị C , sinh năm 1951; (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 22 ngõ 136 đường C, phường K, quận L, Hà Nội (Ông T , bà C là bố mẹ đẻ của bà Phạm Thị Minh T , bà T là vợ ông Nguyễn Xuân H đã chết năm 2004).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 do cha ông của mẹ tôi là bà Lê Thị K để lại cho bà K và 2 chị gái bà K là bà Lê Thị C và bà Lê Thị M. Sau đó bà K và ông K (chồng bà K) mua lại phần đất của bà C và bà M , có giấy

tờ mua bán viết tay hiện tôi vẫn đang giữ. Bố mẹ bà K là ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T chỉ có 3 con gái là bà K và bà Chanh, bà M , ngoài ra không còn con nào khác.

Ông Nguyễn Văn K và vợ là bà Lê Thị K có 04 người con là: Nguyễn Văn V , sinh năm 1964; Nguyễn Xuân H , sinh năm 1967; Nguyễn Văn T , sinh năm 1971 và Nguyễn Thống N , sinh năm 1976. Ngoài ra bà K và ông K không có con nào khác.

Ông K chết năm 2003, bà K chết năm 2020. Tại thời điểm ông K chết năm 2003 thì bố mẹ đẻ ông K đều đã chết trước đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm có 5 người là: Bà Lê Thị K (vợ) và 4 con đẻ là Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Tại thời điểm bà K chết năm 2020 thì bố mẹ bà K đều đã chết trước đó; hàng thừa kế thứ nhất của bà K gồm có 4 người con đẻ là: Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Tôi và vợ là Phạm Thị Minh T , sinh năm 1971 kết hôn năm 1989, đến năm 2004 thì bà T qua đời. Chúng tôi có 4 con chung là Nguyễn Thị Kim A , sinh năm 1991; Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành V , sinh năm 2004. Sau đó tôi kết hôn với bà Phùng Thị L , sinh năm 1980 vào năm 2005, chúng tôi có 1 con chung là Nguyễn Gia Luyện, sinh năm 2005 và đã ly hôn năm 2012.

Năm 2008, mẹ tôi là bà K và 4 anh em chúng tôi (Ông V , ông H , ông T và ông N) đã thống nhất chia thừa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 như sau: Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 chia cho ông Nguyễn Thống N diện tích 186 m², thực tế đo lại là 222 m²; Chia cho tôi 142,5 m² (Đo thực tế là 134,9 m²) và chia cho ông Nguyễn Văn T 75,8 m² (Đo thực tế là 165,6 m²).

Toà án tiền hành đo đạc thực tế phần diện tích đất tôi đang quản lý là 134,9 m² chứ không phải 142,5 m² thì tôi có ý kiến là do ngày xưa đo thước dây nên có thể sai số, tôi yêu cầu Toà án công nhận Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 có hiệu lực và yêu cầu xác định lại diện tích đất thực tế tôi được chia là 134,9 m². Đối với phần lối đi bên ngoài Toà đo diện tích là 28,7 m² thì tôi yêu cầu xác định đó là lối đi chung vào phần đất tôi được chia.

Lối đi diện tích 28,7 m² là do tôi và ông Nguyễn Thống N cùng bỏ tiền và công sức ra để làm, lát gạch để đi, khi đó tôi và ông N mỗi người bỏ ra một nửa tiền. Đối với công sức, tài sản của tôi và ông N trong xây dựng các tài sản gắn liền với lối đi 28,7 m² thì trong trường hợp chia thừa kế diện tích đất tôi đang quản lý thì tôi không yêu cầu Ông V và ông T thanh toán tiền liên quan đến công sức và tài sản tôi đã bỏ ra để xây dựng, tôn tạo các tài sản gắn liền với phần lối đi 28,7 m². Các tài sản gắn liền với phần đất tôi đang quản lý sử dụng là nhà bê tông 2 tầng do tôi xây năm 2003, sân gạch đỏ do tôi làm năm 2020 và cây xoài là do tôi trồng. Nay tôi đề nghị Tòa án:

1/Công nhận Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 của bà Lê Thị K :

- Chia cho ông Nguyễn Thống N 186 m² (Đo thực tế là 222 m²).
- Chia cho ông Nguyễn Xuân H là 142,5 m² (Đo thực tế là 134,9 m²).
- Chia cho ông Nguyễn Văn T là 75,8 m² (Đo thực tế là 165,6 m²).

2/ Xác định diện tích đất 28,7 m² đất là diện tích đất ngõ đi chung giữa tôi Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Thống N .

3/ Đề nghị Tòa án hủy Văn bản di chúc có công chứng số 1020/2020 của Văn phòng công chứng M.

4/ Đề nghị Tòa án công nhận hiện trạng dụng đất mà hiện nay tôi đang quản lý theo như kết quả định giá tài sản và đo đạc diện tích đất thực tế ngày 15/01/2021 là 134,9 m² và đề nghị xác định góc cạnh giới hạn của thửa đất mà tôi đang quản lý.

5/ Tôi không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn vì: Phần diện tích mà tôi đang quản lý 134,9 m² tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 quận L, Thành phố Hà Nội đã được mẹ tôi bà Lê Thị K đã chia cho 3 người con là Nguyễn Thống N , Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn T từ năm 2008. Ông T và ông N đã được Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã bán diện tích đất của mình được chia cho chủ mới đến ở và hiện nay ông T đã đi chỗ khác.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 do cha ông của bà Lê Thị K để lại cho bà K chứ không phải để lại cho bà K và 2 chị gái bà K (Là bà Lê Thị C và bà Lê Thị Mơ) như ông H trình bày. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh bố mẹ bà K để lại thửa đất số 70 trên cho bà K , tuy nhiên bà K đã quản lý, sử dụng ổn định thửa đất số 70 từ năm 1960 và không có tranh chấp gì nên đây là căn cứ thể hiện bố mẹ bà K để lại thửa đất số 70 cho bà K .

Ông K tên gọi là Nguyễn Văn K, tuy nhiên trong Giấy khai sinh của Ông V , ông N thì lại thể hiện bố tên là Nguyễn Xuân K và Nguyễn Quang K là do sai sót của người làm khai sinh trước đây trong Ủy ban, tôi khẳng định Ông V và ông N là con đẻ của ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị K .

Ông K chết năm 2003, bà K chết năm 2020. Tại thời điểm ông K chết năm 2003 thì bố mẹ đẻ ông K đều đã chết trước đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm có 5 người là: Bà Lê Thị K (vợ) và 4 con đẻ là Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Tại thời điểm bà K chết năm 2020 thì bố mẹ bà K đều đã chết trước đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà K gồm có 4 người con đẻ là: Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Toà án tiến hành đo đạc thực tế diện tích đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 xác định diện tích là 134,9 m² chứ không phải 142,5 m² là do đo đạc bằng thước dây trước đây có sai số, ranh giới không có tranh chấp gì nên đề nghị Toà án giải quyết và xác định diện tích đất đang tranh chấp là 134,9 m².

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H vì:

- Diện tích 134,9 m² trên là di sản do bà Lê Thị K để lại và trước khi bà K mất năm 2020 đã lập Di chúc tại Văn phòng công chứng M chia đều diện tích trên cho 4 con. Di chúc lập sau Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 nên Di chúc có hiệu lực pháp luật để thi hành.

- Trước đây gia đình bà K có một số mảnh đất khác đã chia cho ông H rồi, nên bây giờ diện tích 139,4 m² này phải chia theo Di chúc của bà K .

Tôi không yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn V , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thông N trong Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008.

- Đối với phần lối đi chung 28,7 m² thì tôi đề nghị xác định là lối đi vào diện tích đất tranh chấp mà ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng, không yêu cầu xác định là lối đi chung vào phần đất 219,2 m² gia đình ông Nguyễn Thông N đang sử dụng và gia đình ông N sẽ tự tiến hành thủ tục đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần lối đi này và không yêu cầu cùng giải quyết trong vụ án này.

Đối với công sức, tài sản của ông H và ông N trong xây dựng các tài sản gắn liền với lối đi 28,7 m² thì tôi đại diện theo uỷ quyền của ông N có ý kiến trình bày là: Nếu trong trường hợp được chia thừa kế diện tích đất ông H đang quản lý thì ông N không yêu cầu Ông V và ông T thanh toán tiền liên quan đến công sức và tài sản ông N đã bỏ ra để xây dựng, tôn tạo các tài sản gắn liền với phần lối đi 28,7 m².

Đề nghị Toà án chia thừa kế diện tích 134,9 m² mà ông H đang quản lý sử dụng theo Di chúc ngày 29/4/2020 của bà Lê Thị K tại Văn phòng công chứng M.

Bị đơn ông Nguyễn Thông N (BL 218- 220), bị đơn ông Nguyễn Văn T (BL 208- 2011) và bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày (BL 208- 201) cùng thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2 quận L, Thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của cha ông để lại cho mẹ tôi là Lê Thị K . Bố mẹ bà K có 3 con đẻ là bà Lê Thị Chanh, Lê Thị Mơ và Lê Thị K , ngoài ra không có con nào khác. Tôi từ khi lớn lên đến giờ chỉ nghe nói là ông bà ngoại tôi để lại thửa đất số 70 trên cho mẹ tôi chứ không có tài liệu gì chứng minh là ông bà tôi để lại thửa đất số 70 trên cho mẹ tôi. Việc ông H khai bà C và bà M bán đất cho bố mẹ tôi thì tôi không biết sự việc này.

Toà án tiến hành đo đạc thực tế diện tích thửa đất số 70, xác định phần đất ông H đang quản lý là 134,9 m² chứ không phải 142,5 m² thì ông N , ông Tuấn, Ông V không có ý kiến gì và đề nghị Toà án xác định diện tích đất tranh chấp là 134,9 m².

Bố đẻ tôi tên là Nguyễn Văn K, tuy nhiên trong giấy khai sinh của tôi ghi tên bố là Nguyễn Xuân K do ngày xưa họ ghi sai. Tôi cam đoan tôi là con đẻ của ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị K .

Ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị K có 4 con đẻ là Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và tôi là Nguyễn Thông N , ngoài ra ông Khải, bà K không có con nào khác.

Ông K chết năm 2003, bà K chết năm 2020. Tại thời điểm ông K chết thì bố mẹ ông K đều đã chết trước đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm bà Lê Thị K (vợ) và 04 con đẻ là Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Tại thời điểm bà K chết thì bố mẹ bà K đều đã chết trước đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà K gồm có 04 con đẻ là Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

Bị đơn ông Nguyễn Thống N có quan điểm:

Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là tôi làm để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi, và tôi đã sử dụng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất của tôi là 219,2 m². Tôi khẳng định chữ ký trong Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là của tôi và đúng là chữ ký của Ông V , ông H , ông T và bà K . Tôi không yêu cầu giám định chữ ký trong biên bản họp gia đình này. Trong Biên bản ban đầu ghi phần đất tôi được chia là 186 m², tuy nhiên sau đó khi tôi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì địa chính xã yêu cầu đo lại thực tế thì xác định diện tích thực tế tôi được chia là 219,2 m², và tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên diện tích đất này.

Biên bản họp gia đình này có 01 bản chính nộp ở trên phường.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H thì tôi có ý kiến là: Biên bản họp này thể hiện ông H là ở giáp ranh, bà K cho ông H ở nhờ. Năm 2020 thì bà K lập Di chúc tại Văn phòng công chứng M để chia phần đất ông H đang quản lý tại thửa đất số 70 trên cho 4 anh em tôi nên tôi đề nghị Toà án chia thừa kế phần đất mà ông H đang quản lý đó cho chúng tôi theo Di chúc.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có quan điểm:

Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là tôi làm để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi, và tôi đã sử dụng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất của tôi là khoảng 150 m², hiện tôi không nhớ rõ ra bao nhiêu mét vuông. Tôi khẳng định chữ ký trong Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là của tôi và các thành viên đã ký tên trong Biên bản là đúng, tôi không yêu cầu giám định chữ ký trong biên bản họp gia đình này. Trong Biên bản ban đầu ghi phần đất tôi được chia là 75,8 m², tuy nhiên sau đó khi tôi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì địa chính xã yêu cầu đo lại thực tế thì xác định diện tích thực tế tôi được chia là khoảng 150 m², và tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên diện tích đất này. Hiện tại tôi đã bán hết diện tích đất này cho người khác.

Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 này là tôi khi làm sổ đỏ đi xin chữ ký từng người trong gia đình, có 01 Bản chính nộp ở trên phường. Tôi không yêu cầu huỷ Biên bản họp gia đình này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H thì tôi có ý kiến là: Năm 2020 bà K lập Di chúc tại Văn phòng công chứng M để chia phần đất ông H đang quản lý tại thửa đất số 70 trên cho 4 anh em tôi nên tôi đề nghị Toà án chia thừa kế phần đất mà ông H đang quản lý đó cho chúng tôi theo Di chúc.

Tại thời điểm bà K lập Di chúc thì bà K đang ở cùng anh Vấn. Khi đó mẹ tôi vẫn còn khỏe, anh Vấn nói chuyện với mẹ tôi thì mẹ tôi bảo là thôi làm Di chúc lúc mẹ còn sống chứ không đến lúc mẹ chết thì lại cãi nhau. Di chúc được lập tại nhà anh Vấn, tại phòng ngủ mẹ tôi. Công chứng viên công chứng Di chúc năm 2020 của bà K là do 3 anh em tôi mời.

Anh Vấn trực tiếp là người ra Văn phòng công chứng M để mời Công chứng viên vào nhà công chứng Di chúc của mẹ tôi. Công chứng viên vào nhà và viết Di chúc cho mẹ tôi, mẹ tôi nói ý nguyện của mẹ tôi cho Công chứng viên để Công chứng viên viết Di chúc. Người làm chứng di chúc này là bà Nguyễn Thị Sâm. Anh Vấn đi sang nhà bà Sâm để mời bà Sâm sang làm chứng. Bà Sâm làm Hội phụ nữ ở tổ dân phố, nhà ở gần đấy. Công chứng viên đến nhà thì hỏi bà ơi bà còn khỏe không, mẹ tôi bảo tôi còn khỏe; Công chứng viên hỏi tên bà là gì, bà sinh năm bao nhiêu thì mẹ tôi bảo tôi sắp chết đến nơi rồi còn hỏi tên, tôi là Lê Thị K, sinh năm 1937; Công chứng viên hỏi bà ơi bà có miếng đất ở P 142 mét, bà làm di chúc cho 4 người con chia đều hay gì, bác Sâm bác sang thì bà đồng ý chia đều chứ gì thì mẹ tôi nói là ừ, cho đều, cho 1, 2 đứa thì để nó ganh nhau à. Sau đó Công chứng viên in, ký di chúc thế nào thì tôi không rõ vì tôi đi xuống nhà dưới uống nước, nhưng mà lúc đó có bà Sâm ở đó.

Toàn bộ sự việc lập di chúc là mẹ tôi nói cho Công chứng viên viết chứ bà không tự viết được. Tôi không biết Giấy yêu cầu công chứng di chúc là ai viết nhưng không phải mẹ tôi viết. Hồ sơ nộp ở Văn phòng công chứng như thế nào thì tôi không nắm rõ vì hồ sơ do vợ tôi và vợ Ông V chuẩn bị. Vợ Ông V là Lê Thế Toàn, sinh năm 1969 ở cùng nhà Ông V, vợ tôi là Nguyễn Thị Đoàn, sinh năm 1975 ở cùng nhà tôi.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V có quan điểm:

Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 thì tôi khẳng định chữ ký trong Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là của tôi và các thành viên đã ký tên trong Biên bản là đúng, tôi không yêu cầu giám định chữ ký trong biên bản họp gia đình này. Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 này là em Tuấn và em Nhất đi làm sổ đỏ đi xin chữ ký từng người trong gia đình, có 01 Bản chính nộp ở trên phường. Tôi không yêu cầu huỷ Biên bản họp gia đình này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H thì tôi có ý kiến: Năm 2020 bà K lập Di chúc tại Văn phòng công chứng M để chia phần đất ông H đang quản lý tại thửa đất số 70 trên cho 4 anh em tôi, nên tôi đề nghị Toà án chia thừa kế phần đất mà ông H đang quản lý đó cho chúng tôi theo Di chúc.

Tại thời điểm bà K lập Di chúc thì bà K đang ở cùng tôi. Khi đó mẹ tôi vẫn còn khỏe, tôi nói chuyện với mẹ tôi thì mẹ tôi bảo là thôi làm Di chúc lúc mẹ còn sống chứ không đến lúc mẹ chết thì lại cãi nhau. Di chúc được lập tại nhà tôi, tại phòng ngủ mẹ tôi. Công chứng viên công chứng Di chúc năm 2020 của bà K là do 3 anh em tôi mời. Tôi trực tiếp là người ra Văn phòng công chứng M để mời Công chứng viên vào nhà công chứng Di chúc của mẹ tôi, khi đi ra Văn phòng công

chứng thì tôi không nộp hồ sơ gì, chỉ trình bày yêu cầu là mẹ tôi lập di chúc. Công chứng viên vào nhà và viết Di chúc cho mẹ tôi, mẹ tôi nói ý nguyện của mẹ tôi cho Công chứng viên để Công chứng viên viết Di chúc. Người làm chứng di chúc này là bà Nguyễn Thị Sâm. Tôi đi một mình sang nhà bà Sâm để mời bà Sâm sang làm chứng. Bà Sâm làm Hội phụ nữ ở tổ dân phố, nhà ở gần nhà tôi. Khi tôi sang nhà bà Sâm thì tôi nói là bác sang nhà em uống nước em nhờ việc, bà em còn sống còn khoẻ làm di chúc thì bác làm chứng cho em, không đến lúc bà lần thì lại phát sinh nhiều việc ra. Sau đó bà Sâm sang nhà tôi. Công chứng viên đến nhà tôi thì hỏi bà ơi bà còn khoẻ không, mẹ tôi bảo tôi còn khoẻ; Công chứng viên hỏi tên bà là gì, bà sinh năm bao nhiêu thì mẹ tôi bảo tôi sắp chết đến nơi rồi còn hỏi tên, tôi là Lê Thị K, sinh năm 1937; Công chứng viên hỏi bà ơi bà có miếng đất ở P 142 mét, bà làm di chúc cho 4 người con chia đều hay gì, bác Sâm bác sang thì bà đồng ý chia đều chứ gì, thì mẹ tôi nói là ừ, cho đều, cho 1, 2 đứa thì để nó ganh nhau à. Sau đó công chứng viên in, ký di chúc thế nào thì tôi không rõ vì tôi chạy đi chạy lại nước non, nhưng mà lúc đó có bà Sâm ở đó.

Toàn bộ sự việc lập di chúc là mẹ tôi nói cho Công chứng viên viết chứ bà không tự viết được. Tôi không rõ Giấy yêu cầu công chứng di chúc là ai viết nhưng không phải mẹ tôi viết. Hồ sơ nộp ở Văn phòng công chứng như thế nào thì tôi không nắm rõ vì hồ sơ do vợ tôi và vợ ông T chuẩn bị (Vợ tôi là Lê Thế Toàn, sinh năm 1969 ở cùng nhà tôi; Vợ anh Tuấn là Nguyễn Thị Đoàn, sinh năm 1975 ở cùng nhà anh Tuấn).

- Ngày 18/01/2021 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thống N có đơn phản tố đối với ông Nguyễn Xuân H về việc đề nghị Tòa án nhân dân quận L “Giải quyết phân chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị K” (BL 154).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H – Công chứng viên Văn phòng công chứng M trình bày:

Ngày 29/4/2020, tôi Công chứng viên Phạm Minh H lập Di chúc số 1020/2020 cho người để lại tài sản là bà Lê Thị K với nội dung: Để lại toàn bộ phần quyền sử dụng đất của bà K có tại số 36 ngõ 63/33 Lê Đức T, phường M 2 cho ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Thống N, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị tại thửa đất nêu trên. Trong quá trình lập di chúc nêu trên tôi đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc lập di chúc, có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Sâm.

Tôi đề nghị xem xét, giải quyết đúng quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu phản tố của 3 người được hưởng theo di chúc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Đối với phần lỗi đi vào diện tích ông Nguyễn Xuân H đang quản lý do vợ chồng tôi và ông H làm năm 2019 tôi không có ý kiến gì, tôi không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán cho tôi tiền công sức và số tiền bỏ ra và số tiền tôn

tạo xây dựng các tài sản gắn liền với diện tích lỗi đi. Vì bận công việc, đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt tôi trong các phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Kim G, chị Nguyễn Kim A , chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Thành V trình bày:

Chúng tôi là con đẻ của ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị Minh T . Bà T đã mất vào ngày 08/01/2004. Bố mẹ chúng tôi có 4 người con là: Nguyễn Thị Kim A , sinh ngày 17/7/1991; Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 06/8/1993; Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 22/5/1996 và Nguyễn Thành V , sinh ngày 08/01/2004.

Hiện nay cụ Phạm Văn T và cụ Lê Thị C là bố mẹ bà Phạm Thị Minh T vẫn còn sống.

Đối với các tài sản xây dựng trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 tại phường M 2 là tài sản của ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị Minh T thì chúng tôi từ chối nhận thừa kế và để lại toàn bộ tài sản trên cho bố chúng tôi là ông H được toàn quyền sở hữu, định đoạt.

- Ông Phạm Văn T và bà Lê Thị C trình bày:

Tôi và vợ là Lê Thị C có con gái lớn là Phạm Thị Minh T , sinh năm 1971. Chị Thắng và anh Nguyễn Xuân H kết hôn năm 1989. Chị Thắng và anh Hiến có 04 người con là: Nguyễn Kim A , sinh năm 1991; Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996; Nguyễn Thành V , sinh năm 2004.

Chị Phạm Thị Minh T đã chết năm 2004. Đối với các tài sản xây dựng trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 tại phường M 2 là tài sản chung của chị Thắng, anh Hiến nay con gái tôi đã mất nên tôi hoàn toàn đồng ý cho con rể là anh Nguyễn Xuân H được toàn quyền sở hữu, định đoạt.

Đại diện UBND phường M 2: Ông Hứa Đức M – Chủ tịch UBND phường M 2 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Lê Thế Toàn trình bày:

Tôi là vợ của anh Nguyễn Văn V . Tại thời điểm bà K lập di chúc thì bà K đang ở cùng anh V và tôi. Hôm lập di chúc đó bà K vẫn còn khỏe, hôm bà K làm di chúc tôi đi chợ về thì đã thấy Công chứng viên ở nhà tôi. Khi đó có anh V và Công chứng viên ở trong phòng của bà K . Tôi và anh V là người sang nhà bà Sâm mời bà Sâm sang làm chứng di chúc. Sau đó chị Đoàn là vợ anh Tuấn đến ngồi trên đó cùng bà K , còn tôi xuống cơm nước nên nội dung tiếp theo của việc lập di chúc như thế nào thì tôi không nắm được. Tôi không biết ai là người viết Giấy yêu cầu công chứng di chúc, tôi không phải là người viết Giấy yêu cầu công chứng di chúc. Hồ sơ nộp ở Văn phòng công chứng đề yêu cầu công chứng di chúc của bà Lê Thị K như thế nào thì tôi không biết, tôi không phải là người chuẩn bị hồ sơ và không biết hồ sơ cũng như nội dung việc lập di chúc như thế nào vì tôi chỉ là con dâu (BL 229).

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị Đoàn trình bày:

Tôi là vợ của anh Nguyễn Văn T . Tại thời điểm bà K lập Di chúc thì bà K đang ở cùng anh V và chị Đoàn. Lúc tôi đến thì Công chứng viên đã có mặt ở

phòng bà K và đã có mặt người làm chứng là bà Sâm. Di chúc khi đó đã được làm xong, việc ký tên hay làm chứng thế nào thì tôi không được chứng kiến. Tôi khẳng định tôi không phải người đi sang nhà bà Sâm để mời bà Sâm làm chứng di chúc. Tôi không biết ai là người viết Giấy yêu cầu công chứng di chúc, tôi không phải là người viết Giấy yêu cầu công chứng di chúc. Hồ sơ nộp ở Văn phòng công chứng đề yêu cầu công chứng di chúc của bà Lê Thị K như thế nào thì tôi không biết, tôi không phải là người chuẩn bị hồ sơ và không biết hồ sơ cũng như nội dung việc lập di chúc như thế nào vì tôi chỉ là con dâu (BL 229).

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị Sâm trình bày:

Tôi có ký tên vào người làm chứng di chúc của bà Lê Thị K lập ngày 29/4/2020 của Văn phòng công chứng M.

Hôm đó, Ông V và em dâu Ông V sang nhà mời tôi sang làm chứng cho di chúc của bà Lê Thị K. Khi đó có mặt Công chứng viên nói với tôi là bà hỏi cụ xem ý của cụ có cho một mình cậu Hiến phần đất cậu Hiến đang ở không hay là cụ chia đều cho bốn cậu, thì cụ có trả lời là tao chia cho bốn đứa chứ cho một mình thằng Hiến thì ba đứa kia nó chửi tao à. Công chứng viên có đọc lại Di chúc cho tôi và cụ Kỷ nghe. Sau đó bà K điểm chỉ và tôi ký tên làm chứng di chúc đó.

Nếu tôi biết năm 2008 cụ Kỷ và bốn anh em đã chia thừa đất đó thì tôi không bao giờ dám làm chứng việc này. Tôi không biết sự việc đã chia như vậy thì tôi mới ký (BL 102).

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 19, 20/01/2022 của Tòa án nhân dân quận L đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

2. Công nhận Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 của bà Lê Thị K và 04 con là Nguyễn Văn V, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N đã ký thống nhất về việc phân chia quyền sử dụng đất cho các thành viên:

Ông Nguyễn Thống N được chia 186 m² (Đo thực tế là 222 m² và hiện ông Nguyễn Thống N đã được Ủy ban nhân dân Huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 219,2 m² ngày 31/10/2012);

Ông Nguyễn Xuân H được chia 142,5 m² (Đo thực tế là 134,9 m²).

Ông Nguyễn Văn T được chia 75,8 m² (Đo thực tế là 165,6 m² ông Nguyễn Văn T đã bán cho người khác).

Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 của bà Lê Thị K và 04 con là Nguyễn Văn V, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N đã được UBND xã M xác nhận là có hiệu lực pháp luật để thi hành và có giá trị về mặt pháp lý.

3. Huỷ Di chúc lập ngày 29/4/2020 số công chứng 1020/2020 Quyền số 04TP/CC- SCC/HĐGD của bà Lê Thị K do Công chứng viên Phạm Minh H – Văn phòng Công chứng M công chứng.

4. Xác định 28,7 m² là diện tích đất ngõ đi chung giữa hai nhà ông Nguyễn Thống N số nhà 34 và ông Nguyễn Xuân H số nhà 36 tại địa chỉ ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7 phường M 2, quận L, TP Hà Nội tại thửa đất số 70, tờ

bản đồ số 4, phường M 2 giới hạn bởi các điểm 1,2,25,21,22,1 (Có sơ đồ cụ thể kèm theo) tại địa chỉ số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

5. Không chấp nhận đơn phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Thống N yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với phần diện tích đất 134,9 m² ông Nguyễn Xuân H đang quản lý, sử dụng tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2, địa chỉ số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

6. Công nhận ông Nguyễn Xuân H có quyền sử dụng đất theo hiện trạng đối với diện tích đất thực tế là 134,9 m² giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,23,24,25,2 (Có sơ đồ cụ thể kèm theo) tại địa chỉ số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội trên đất có:

- 01 căn nhà bê tông 2 tầng , tầng 2 lợp mái tôn chống nóng, diện tích sàn xây dựng là 109 m², xây năm 2003. Căn nhà trên do ông Nguyễn Xuân H xây trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Xuân H với bà Phạm Thị Minh T .

- 01 sân gạch đỏ 40 x 40 cm, làm năm 2020, diện tích 25,5 m²; 01 cây xoài: Giá 350.000 đồng; sân gạch đỏ và cây xoài do ông Nguyễn Xuân H làm và trồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H giữ quan điểm yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008, chia thừa kế theo di chúc bà Lê Thị K lập ngày 29/4/2020 của Văn phòng công chứng M đối với 134,9 m² đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 hiện ông Nguyễn Xuân H quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- **Về Tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quy định của pháp luật.

- **Về nội dung :** Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn;

[2.1] Các đương sự cùng thống nhất về quan hệ huyết thống, diện và hàng thừa kế, nguồn gốc tài sản tranh chấp như sau như sau:

- Cụ Lê Thị K chết năm 2020 và cụ Nguyễn Văn K chết năm 2003 có 04 người con là: Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N .

- Cụ K chết năm 2003 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của Cụ K gồm 05 người là vợ cụ Lê Thị K , các con là ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N .

- Cụ Lê Thị K chết năm 2020. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm có 04 người con là ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N .

- Đối với ông Nguyễn Xuân H có vợ là bà Phạm Thị Minh T chết năm 2004. Hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: chồng là ông Nguyễn Xuân H . 04 người con của ông H , bà T là các anh/chị: Nguyễn Thị Kim A ; Nguyễn Thị Kim G; Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thành V . Bố, mẹ đẻ bà T là cụ Phạm Văn T và cụ Lê Thị C

Xét, các đương sự cùng thừa nhận về nguồn gốc thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4 phường M 2, quận L, Hà Nội là của cụ Lê Văn Hời và cụ Lê Thị Thận để lại cho các con là cụ Kỷ, cụ Lê Thị C và cụ Lê Thị Mơ. Tháng 3/1972, cụ Lê Thị Mơ, cụ Lê Thị C và cụ Lê Thị K đã lập Giấy chia tài sản, theo đó cụ Kỷ được hưởng 1/2 thửa đất và tài sản gắn liền với đất, 1/2 thửa đất còn lại cụ Lê Thị Mơ và cụ Lê Thị C hưởng. Ngày 10/4/1972 cụ Lê Thị Mơ và cụ Lê Thị C đã bán lại 1/2 thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên cho vợ chồng cụ Lê Thị K và cụ Nguyễn Xuân K (Nguyễn Văn K) với giá 2200 đồng tại Văn tự bán nhà đất. Giấy chia tài sản và Văn tự bán nhà đất trên đều có xác nhận của Ủy ban hành chính xã thời kỳ đó.

Ủy ban nhân dân phường M cung cấp: Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2, quận L, Hà Nội.

- Phần đất này thuộc một phần thửa đất gốc số 70, tờ bản đồ số 4, bản đồ đo vẽ năm 1994, các tài liệu lưu trữ tại UBND phường M 2 thể hiện:

- Bản đồ năm 1960 (Bản đồ không được đóng dấu, không có sổ mục kê, sổ địa bạ, sổ địa chính đi kèm) thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12;

- Bản đồ năm 1985 (Bản đồ không được đóng dấu, không có sổ mục kê, sổ địa bạ, sổ địa chính đi kèm) thuộc thửa đất số 497, tờ bản đồ số 5;

- Sổ mục kê ruộng đất năm 1986 (Sổ mục kê không được đóng dấu) ghi: Thửa đất số 497, diện tích 516 m², chủ sử dụng ruộng đất: Ng~ V Khải;

- Bản đồ năm 1994: Thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, diện tích 482 m²;

- Sổ mục kê ruộng đất năm 1994 bản photo không được đóng dấu ghi: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, diện tích 482 m², loại đất: T.cư, chủ hộ: Kỷ;

- Sổ mục kê ruộng đất năm 2000 (Sổ mục kê được đóng dấu nhưng không đóng dấu giáp lai các trang) ghi: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, diện tích 428 m²; Loại đất: Đất ở, tên chủ đang sử dụng: Nguyễn Văn T ;

Căn cứ Điều 15 luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và có sau khi cưới”. Xác định thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4 phường M 2, quận L, Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng cụ Lê Thị K và cụ Nguyễn Văn K (Nguyễn Xuân K).

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 không có thật, là do ông N lập ra để xin chữ ký khi xin cấp giấy chứng nhận.

Nguyên đơn ông H cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 của gia đình bà Lê Thị K được UBND xã M chứng nhận đã được sử dụng để nộp kèm theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2.

Xét, cụ Nguyễn Văn K (Nguyễn Xuân K) chết năm 2003, không để lại di chúc, các đồng thừa kế có toàn quyền quyết định việc phân chia di sản thừa kế.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 hàng thừa kế thứ nhất của Cụ K là vợ cụ Lê Thị K , các con là ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N đã thống nhất thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4 phường M 2, quận L, Hà Nội cho các thành viên trong gia đình cụ thể như sau:

“Sau khi toàn gia đình đã bàn bạc thống nhất phân chia quyền sử dụng đất cho các thành viên sau...

- Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, bản đồ năm 1994, diện tích 186 m² (Có sửa chữa thành 219,2 m²) loại đất thổ cư con trai Nguyễn Thống N sử dụng...

- Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, bản đồ năm 1994, diện tích 142,5 m², loại đất thổ cư con trai Nguyễn Xuân H sử dụng...

- Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, bản đồ năm 1994, diện tích 75,8 m² loại đất thổ cư Nguyễn Văn T sử dụng...”.

- Tại Biên bản họp gia đình ngày 15 tháng 5 năm 2008 của hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn K có phân chia lối đi vào từng thửa đất cụ thể...

Do anh cả Nguyễn Văn V đã được gia đình thống nhất và đã nhận phần đất tại địa chỉ số 6 ngách 20/62 ngõ 20 đường M quận L, Hà Nội.

Các đương sự cùng xác nhận chữ ký trong Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là đúng chữ ký của cụ Lê Thị K , ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N . Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 có xác nhận của UBND xã M, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tại thời điểm ký Biên bản họp gia đình ngày 15/05/2008 tất cả các đồng thừa kế gồm cụ K và các con đều nhất trí tự nguyện và sau thời điểm đó không có ai có

ý kiến khiếu nại gì về nội dung phân chia quyền sử dụng đất trong biên bản họp gia đình.

Từ những nhận định nêu trên xác định ngày 15/5/2008 cụ Lê Thị K , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N cùng ký vào Biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất cho ông H , ông Tuấn, ông N tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 quận L, TP Hà Nội. Nội dung, hình thức Biên bản họp gia đình ngày 15/05/2008 đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, thống nhất của các đương sự và UBND xã M xác nhận có hiệu lực.

Trên cơ sở Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 ông Nguyễn Thống N và ông Nguyễn Văn T đã hoàn tất thủ tục nộp kèm theo hồ sơ xin đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2, quận L, Hà Nội.

Kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, ông Nguyễn Xuân H đang quản lý, sử dụng ổn định. Ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng cho người khác. Các bên không có khiếu nại gì trong quá trình làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H là có căn cứ.

Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.3] Bị đơn kháng cáo đề nghị giải quyết yêu cầu phản tố “Giải quyết chia di sản thừa kế của bà Lê Thị K ” theo Văn bản di chúc do cụ Kỷ lập ngày 29/4/2020 của Văn phòng công chứng M.

Xét, Văn bản Di chúc do cụ Lê Thị K lập ngày 29/4/2020 số công chứng 1020/2020; Quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng M có nội dung: cụ Lê Thị K có thửa đất diện tích 142,5 m² và ngõ đi chung là 29,2 m² tại địa chỉ số nhà 36 ngõ 63/33 đường Lê Đức T , phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc đất nêu trên là do tổ tiên ông bà để lại. Hiện thửa đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận. Bằng văn bản này cụ Kỷ quyết định khi qua đời thì toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên để lại cho bốn người con để gồm Nguyễn Văn V , Nguyễn Xuân H , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thống N được hưởng mỗi người ¼ giá trị quyền sử dụng đất....”

Nhưng như đã nhận định nêu trên, thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4 tại phường M 2 là tài sản chung của Cụ K và cụ Kỷ. Sau khi cụ Nguyễn Văn K chết, các đồng thừa kế đã lập Biên bản họp gia đình ngày 15/05/2008 thống nhất phân chia nên cụ Lê Thị K lập di chúc định đoạt toàn bộ thửa đất là không có căn cứ.

Căn cứ lời khai của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Văn V trực tiếp ra Văn phòng công chứng M để mời Công chứng viên Phạm Minh H đến lập di chúc. Đối với Văn phòng công chứng M và Công chứng viên Phạm Minh H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Kỷ tự mình yêu cầu công chứng, việc công chứng di chúc được lập

đúng quy định quy định tại Điều 40, Điều 56 Luật công chứng 2014 như: Phiếu yêu cầu công chứng của cụ Lê Thị K, giấy tờ chứng minh cụ Lê Thị K có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với thửa đất.

Bị đơn cho rằng Di chúc ngày 05/2/2019 của cụ Kỷ thể hiện ông Nguyễn Xuân H vi phạm nghĩa vụ của người con, đối xử tệ với cụ Kỷ nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 621 Bộ luật dân sự thì ông H không được hưởng thừa kế của bà K đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh.

Như vậy Di chúc được lập ngày 29/4/2020 của cụ Lê Thị K do Công chứng viên Phạm Minh H - Văn phòng công chứng M công chứng không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về công chứng di chúc nên vô hiệu không phát sinh hậu quả, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và hủy văn bản di chúc công chứng số 1020 ngày 29/4/2020 lập tại VPCC M của cụ Kỷ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.4] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, địa chỉ số nhà 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Hà Nội, xác định:

- Hiện trạng ông Nguyễn Xuân H đang quản lý, sử dụng phần đất đo đạc thực tế là 134,9 m² (theo Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 ông H được chia 142,5 m²) và tài sản gắn liền với diện tích đất gồm có: 01 căn nhà bê tông 2 tầng, tầng 2 lợp mái tôn chống nóng, diện tích sàn xây dựng là 109 m² (ông Nguyễn Xuân H xây dựng năm 2003 trong thời kỳ hôn nhân với bà Phạm Thị Minh T); 01 sân gạch đỏ 40 x 40 cm, diện tích 25,5 m²; 01 cây xoài giá 350.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thông N đang quản lý, sử dụng diện tích 219,2 m² đo thực tế. Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 ông Nguyễn Thông N được chia 186 m² và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn T sử dụng 165,6 m² đo thực tế. Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 ông Nguyễn Văn T được chia 75,8 m² và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đã chuyển nhượng cho người khác.

- Ngõ đi chung giữa ông Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Thông N có diện tích 28,7 m²

Xét, diện tích đất ông Nguyễn Xuân H đang quản lý, sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận, đo thực tế có chênh lệch ít hơn diện tích của ông Nguyễn Xuân H được chia theo Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 nhưng không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề. Các đương sự cùng xác nhận diện tích đo thực tế có chênh lệch là do trước đây không đo đạc bằng máy, không có thước đạc và đề nghị giải quyết phần diện tích của ông H theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay.

Căn cứ khoản 5 Điều 98 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “5.Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ

quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.... được xác định theo số liệu đo đạc thực tế....”

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận hiện trạng 134,9 m² đất theo đo đạc thực tế thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Xuân H được chia theo Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 là có căn cứ.

Các đương sự cùng thừa nhận, năm 2019 ông Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Thống N, mỗi người bỏ ra một nửa lát gạch đất nung 40x40 cm, làm trụ công, cánh cửa cổng bằng sắt để sử dụng làm lối đi chung giữa hai gia đình ông Nguyễn Xuân H và ông Nguyễn Thống N đến nay. Phù hợp với kết quả xem xét thẩm định, định giá của Tòa án nên chấp nhận yêu cầu của ông H : xác định 28,7 m² thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 quận L, Hà Nội là diện tích đất ngõ đi chung giữa hai nhà ông Nguyễn Thống N số nhà 34 và ông Nguyễn Xuân H số nhà 36, cùng tại địa chỉ ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7 phường M 2, quận L, TP Hà Nội.

[2.5] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng ông H không có phần trong thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 phường M 2, vì trước đây ông H đã được chia 190 m² khu (Sau Đồng) và khoảng 90 m² ở khu Tân Mỹ.

Nhưng nguyên đơn và bị đơn chỉ tranh chấp đối với thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4 phường M 2 trong vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án và đến phiên họp công khai chứng cứ phía bị đơn không có yêu cầu phản tố đối về việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa đất khác. Nếu có thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu khởi kiện.

[2.6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn không được chấp nhận yêu cầu phản tố nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điểm b khoản 1 Điều 681 Bộ luật dân sự 2005; Điều 624, 625, 627, 628, 630, 631, 633, 635, 639, 643 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 40, Điều 41, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Điều 52, Điều 56 Luật công chứng năm 2014; Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Công văn số 1568/BTNMT-ĐKTKDD ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thông N . Sửa bản án số 08/2022/DS-ST ngày 19, 20/01/2022 của Tòa án nhân dân quận L và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H .

[2]. Hủy Di chúc lập ngày 29/4/2020 số công chứng 1020/2020 Quyền số 04TP/CC- SCC/HĐGD của bà Lê Thị K do Công chứng viên Phạm Minh H – Văn phòng Công chứng M công chứng.

[3]. Xác nhận Biên bản họp gia đình ngày 15/5/2008 của cụ Lê Thị K và 04 người con là ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Xuân H , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thông N đã ký thống nhất về việc phân chia quyền sử dụng đất thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 cho các thành viên được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận có hiệu lực pháp luật.

[3.1] Công nhận ông Nguyễn Thông N được chia 186 m² (đo thực tế là 222 m²) và đã được Ủy ban nhân dân Huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/10/2012.

[3.2] Công nhận ông Nguyễn Văn T được chia 75,8 m² (đo thực tế là 165,6 m²) và đã chuyển nhượng cho người khác.

[3.3] Công nhận ông Nguyễn Xuân H được quyền sử dụng diện tích 134,9 m² đất theo hiện trạng đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2, tại địa chỉ số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,23,24,25,2 có sơ đồ kèm theo). Trên đất có: 01 căn nhà bê tông 2 tầng, tầng 2 lợp mái tôn chống nóng diện tích sàn xây dựng là 109 m², 01 sân gạch đỏ 40 x 40 cm diện tích 25,5 m², 01 cây xoài.

[3.4] Xác định diện tích đất 28,7 m² thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2 là ngõ đi chung giữa nhà ông Nguyễn Thông N số nhà 34 và nhà ông Nguyễn Xuân H số nhà 36 tại địa chỉ ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7 phường M 2, quận L, TP Hà Nội (giới hạn bởi các điểm 1,2,25,21,22,1 có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Đối với người được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại phần quyết định của bản án này có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất được giao, được chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[4]. Không chấp nhận đơn phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Thống N yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với phần diện tích đất 134,9 m² ông Nguyễn Xuân H đang quản lý, sử dụng tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, phường M 2, địa chỉ số 36 ngách 63/33 ngõ 26 đường M, tổ dân phố số 7, phường M 2, quận L, Thành phố Hà Nội.

[5]. Về án phí :

[5.1] Ông Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Nguyễn Xuân H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0021055 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

[5.2]. Ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận các ông đã nộp số tiền 57.819.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0021186 ngày 21/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L. Sau khi đối trừ, trả lại ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N 56.919.000 đồng.

[5.3] Ông Nguyễn Văn V , ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thống N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại Ông V , ông Tuấn, ông N 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/202/0034135 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Q.L;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Toàn Giang